

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh



## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2024



**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024	01 - 02
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	03
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	04
4. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024	05 – 19
5. Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	20

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.086.142.494.585</b>	<b>1.071.764.691.450</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>130.084.954.303</b>	<b>120.230.008.269</b>
111	1. Tiền		121.082.817.317	107.124.319.228
112	2. Các khoản tương đương tiền		9.002.136.986	13.105.689.041
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>272.654.844.360</b>	<b>212.817.613.319</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	146.397.625.390	93.792.846.281
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		44.428.893.971	37.984.064.404
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.3	82.838.097.134	82.102.296.904
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.4	(1.009.772.135)	(1.061.594.270)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.5	<b>636.405.873.373</b>	<b>696.117.033.963</b>
141	1. Hàng tồn kho		641.858.284.955	702.457.355.015
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(5.452.411.582)	(6.340.321.052)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>46.996.822.549</b>	<b>42.600.035.899</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.6a	8.551.142.680	5.452.494.493
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		37.886.029.826	36.581.988.116
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.12	559.650.043	565.553.290
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>909.332.206.643</b>	<b>934.523.127.247</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.834.438.612</b>	<b>4.764.438.612</b>
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn		2.475.438.612	2.475.438.612
216	2. Phải thu dài hạn khác		3.359.000.000	2.289.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>353.692.879.353</b>	<b>381.310.311.778</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	342.866.211.852	370.389.314.731
222	- Nguyên giá		519.758.756.882	549.915.667.901
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(176.892.545.030)	(179.526.353.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	10.826.667.501	10.920.997.047
228	- Nguyên giá		18.643.966.169	18.643.966.169
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.817.298.668)	(7.722.969.122)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	V.9	<b>469.195.962.094</b>	<b>469.195.962.094</b>
231	- Nguyên giá		469.195.962.094	469.195.962.094
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>7.120.344.078</b>	<b>1.250.000.000</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		7.120.344.078	1.250.000.000
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>73.488.582.506</b>	<b>78.002.414.763</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.6b	15.057.727.909	13.602.535.428
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.738.798.801	4.178.561.614
269	3. Lợi thế thương mại	V.10	54.692.055.796	60.221.317.721
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.995.474.701.228</b>	<b>2.006.287.818.697</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (HỢP NHẤT) (tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>770.608.697.791</b>	<b>842.283.926.244</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>769.941.611.817</b>	<b>839.432.091.925</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		73.744.271.748	44.697.519.251
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	40.577.126.705	54.892.244.624
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	14.834.169.704	10.643.747.508
314	4. Phải trả người lao động		19.066.531.646	18.543.940.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		3.188.268.889	1.210.715.881
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		10.397.369.553	9.534.973.579
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	607.777.386.828	699.552.464.329
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		356.486.744	356.486.744
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>667.085.974</b>	<b>2.851.834.319</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác		320.000.000	320.000.000
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		347.085.974	2.531.834.319
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>1.224.866.003.437</b>	<b>1.164.003.892.453</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.14	<b>1.224.866.003.437</b>	<b>1.164.003.892.453</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.074.396.810.000	934.275.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.074.396.810.000	934.275.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	30.524.927.236
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		33.788.698.909	150.223.013.451
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.046.566.294	115.633.836.935
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.742.132.615	34.589.176.516
429	4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		116.680.494.528	48.980.301.766
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.995.474.701.228</b>	<b>2.006.287.818.697</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Người lập biểu



TRẦN HOÀI NGUYỄN

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



ĐỖ TIÊN DŨNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH (HỢP NHẤT)**  
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

ĐVT: VNĐ

Mã số STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 2 năm 2024	Quý 2 năm 2023	6 tháng năm 2024	6 tháng năm 2023
1	2	3	4	5	6	7
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	1.122.603.205.532	797.173.311.156	2.160.265.703.857	1.789.857.324.542
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.2	1.122.603.205.532	797.173.311.156	2.160.265.703.857	1.789.857.324.542
11	Giá vốn hàng bán		1.026.413.241.559	740.740.224.369	1.968.623.142.684	1.656.716.303.512
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		96.189.963.973	56.433.086.787	191.642.561.173	133.141.021.030
21	Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	244.411.923	12.425.175	402.390.384	67.595.853
22	Chi phí tài chính		4.956.658.414	9.214.658.850	10.057.620.396	27.029.547.814
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.956.658.414	9.214.658.841	10.057.620.396	26.955.367.196
24	Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-	-	-
25	Chi phí bán hàng	VI.4	49.183.977.222	37.124.325.723	86.237.646.650	74.057.706.443
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	22.622.552.257	14.574.062.870	44.253.470.710	36.345.203.131
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.671.188.003	(4.467.535.481)	51.496.213.801	(4.223.840.505)
31	Thu nhập khác		8.899.052.648	9.005.573.954	18.071.595.949	14.532.273.849
32	Chi phí khác		157.497.413	28.732.235	231.279.482	180.263.543
40	Lợi nhuận khác		8.741.555.235	8.976.841.719	17.840.316.467	14.352.010.306
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		28.412.743.238	4.509.306.238	69.336.530.268	10.128.169.801
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	7.132.873.294	1.947.118.289	17.669.166.792	4.099.244.188
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(707.417.017)	(173.807.953)	(2.081.925.011)	(210.274.421)
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.987.286.961	2.735.995.902	53.749.288.487	6.239.200.034
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		7.500.896.113	1.700.005.377	29.742.132.615	5.175.437.685
62	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		14.486.390.848	1.035.990.525	24.007.155.872	1.063.762.349
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.6	70	24	277	72
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.7	70	19	277	58

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



*(Signature)*

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TRẦN KHÔI NGUYỄN

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**


Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	69.336.530.268	10.128.169.801
2.	<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02	26.918.146.280	33.215.061.171
	- Các khoản dự phòng	03	(939.731.605)	-
	- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.661.962.666)	(6.815.199.566)
	- Chi phí lãi vay	06	10.057.620.396	27.029.256.083
3.	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>101.710.602.673</b>	<b>63.557.287.489</b>
	- Giảm Các khoản phải thu	09	(61.816.607.890)	194.963.903.456
	- Tăng hàng tồn kho	10	60.599.070.060	660.555.788.373
	- Tăng Các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	51.081.501.262	(91.114.860.543)
	- (Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(3.812.243.515)	2.937.941.270
	- Tiền Lãi vay đã trả	13	(10.057.620.396)	(26.955.367.196)
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.083.071.171)	(32.464.007.337)
	- Tiền Chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	(356.486.744)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>126.621.631.023</b>	<b>771.124.198.768</b>
<b>II.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(129.859.693.748)	(213.997.094.929)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	133.156.513.776	197.471.818.181
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402.390.384	67.595.853
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>3.699.210.412</b>	<b>(16.457.680.895)</b>
<b>III.</b>	<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
2.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.584.864.702.121	885.532.019.993
3.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.676.639.779.622)	(1.735.226.878.419)
4.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(28.690.817.900)	-
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(120.465.895.401)</b>	<b>(849.694.858.426)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>9.854.946.034</b>	<b>(95.028.340.553)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>120.230.008.269</b>	<b>160.487.675.358</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>130.084.954.303</b>	<b>65.459.334.805</b>

Người lập biểu

  
TRẦN KHÔI NGUYÊN

Kế toán trưởng

  
NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

  
ĐỖ TIẾN DŨNG



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 của Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và 04 công ty con (sau đây gọi là "Tập đoàn").

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh Thương mại, Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý mua bán xe ô tô;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô;
- Đại lý mua bán phụ tùng các loại;.....
- Mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô;
- Dịch vụ cứu hộ xe ô tô;
- Đóng mới thùng xe các loại; sản xuất các chi tiết và phụ tùng cho xe có động cơ (trừ rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập cắt, gò, hàn sơn, tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ;
- Cho thuê xe ô tô;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản (trừ Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng). (Thực hiện cam kết với Ủy ban chứng khoán Nhà nước theo văn bản số 446/2021/CV ngày 02/11/2021 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh về việc cam kết ngành nghề kinh doanh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống). Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621);
- Dịch vụ đại lý hoa hồng (CPC 621) (trừ đầu giá hàng hóa, trừ các loại hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối);
- Dịch vụ tính toán, đánh giá rủi ro và giải quyết bồi thường.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh xe, mua bán phụ tùng và dịch vụ sửa chữa xe.

#### 4. Chu kỳ năm sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ năm sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### 5. Các công ty con được hợp nhất

Tổng số công ty con: 04 công ty.

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 04 công ty.

Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp		Tỷ lệ quyền biểu quyết		Tỷ lệ lợi ích	
			Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024	Tại ngày 01/01/2024	Tại ngày 30/06/2024
01	Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ	Số 102 Cách Mạng Tháng Tám, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%	85,89%
02	Công ty Cổ phần Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ Ô tô PTM	Số 256, đường Kim Giang, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội	98,32%	51,62%	98,32%	51,62%	98,32%	51,62%
03	Công ty Cổ phần Xe Khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, Thành Phố Hồ Chí Minh	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%	62,11%
04	Công ty CP Ô Tô An Thái (*)	Số 464 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP Hồ Chí Minh	0,00%	0,00%	52,35%	52,35%	32,51%	32,51%

(\*) Công ty CP Ô tô An Thái là công ty con cấp 2 gián tiếp thông qua công ty con cấp 1 là Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây (chiếm 52,35% quyền biểu quyết tại Công ty CP Ô tô An Thái).

#### 6. Số lượng nhân viên

Tại ngày 30/06/2024 Tập đoàn có 1.238 nhân viên, tại ngày đầu kỳ có 962 nhân viên.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).



# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016) và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính (hợp nhất).

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính (hợp nhất)

Các báo cáo tài chính (hợp nhất) bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính (hợp nhất), trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh (hợp nhất) và bảng cân đối kế toán (hợp nhất).

Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát các công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì các báo cáo tài chính (hợp nhất) sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của các công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính (hợp nhất) của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của các công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh (đối với xe ô tô), bình quân gia quyền (đối với các loại nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa khác) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	06 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 10

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

##### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### 10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

#### 11. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi được phát hành bởi Công ty mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty, được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả.

Chi phí giao dịch liên quan đến việc phát hành trái phiếu được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng. Tại thời điểm ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm vào phần nợ gốc của trái phiếu.

#### 12. Vốn chủ sở hữu

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### 13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và các công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu bán hàng hoá: bán xe ô tô, phụ tùng xe ô tô*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### **Doanh thu cung cấp dịch vụ: sửa chữa xe ô tô**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

#### **16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

#### **17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

#### **18. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **19. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

#### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

#### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Tiền mặt	10.119.127.648	21.884.168.530
Tiền gửi ngân hàng	110.963.689.669	85.240.150.698
Các khoản tương đương tiền	9.002.136.986	13.105.689.041
<b>Cộng</b>	<b>130.084.954.303</b>	<b>120.230.008.269</b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>146.397.625.390</i>	<i>93.792.846.281</i>
Tổng Công Ty Bảo Hiểm Bảo Việt	1.691.019.425	3.439.529.314
Công ty Bảo Hiểm BSH Thủ Đức	345.891.150	1.442.208.495
Các khách hàng khác	144.360.714.815	88.911.108.472
<b>Cộng</b>	<b>146.397.625.390</b>	<b>93.792.846.281</b>

**3. Phải thu ngắn hạn khác**

Chủ yếu là khoản tiền thưởng, hỗ trợ phải thu từ nhà máy.

**4. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>				
Các đối tượng khác	1.009.772.135	-	1.061.594.270	-
<b>Cộng</b>	<b>1.009.772.135</b>	<b>-</b>	<b>1.061.594.270</b>	<b>-</b>

**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	97.788.969.105	(5.452.411.582)	95.826.915.199	(5.452.411.582)
Công cụ, dụng cụ	603.185.781	-	117.639.689	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	6.089.253.576	-	10.057.298.075	-
Hàng hóa	536.182.921.683	-	595.211.376.802	(887.909.470)
Hàng đang đi trên đường	1.193.954.810	-	1.244.125.250	-
<b>Cộng</b>	<b>641.858.284.955</b>	<b>(5.452.411.582)</b>	<b>702.457.355.015</b>	<b>(6.340.321.052)</b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Sửa chữa văn phòng	245.617.370	400.867.991
Công cụ, dụng cụ	3.039.005.275	1.066.139.241
Phí bảo hiểm cháy nổ	551.581.218	728.133.120
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.714.938.817	3.257.354.141
<b>Cộng</b>	<b>8.551.142.680</b>	<b>5.452.494.493</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**6b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Sửa chữa văn phòng	4.406.759.603	2.320.074.525
Công cụ, dụng cụ	6.670.694.521	4.556.337.879
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.980.273.785	6.726.123.024
<b>Cộng</b>	<b>15.057.727.909</b>	<b>13.602.535.428</b>

**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu kỳ	199.526.713.527	50.460.041.206	288.322.753.003	8.860.174.766	2.745.985.399	549.915.667.901
Tăng trong kỳ	31.090.815.650	891.049.852	91.442.806.455	965.854.000	175.500.000	124.566.025.957
Giảm trong kỳ	(10.278.049.075)	(141.087.500)	(143.721.583.560)	(127.860.727)	(454.356.114)	(154.722.936.976)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>220.339.480.102</b>	<b>51.210.003.558</b>	<b>236.043.975.898</b>	<b>9.698.168.039</b>	<b>2.467.129.285</b>	<b>519.758.756.882</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu kỳ	102.875.255.133	38.337.910.785	29.836.064.001	5.759.926.212	2.717.197.039	179.526.353.170
Tăng trong kỳ	6.425.047.143	1.964.291.656	12.467.067.031	479.246.505	10.199.136	21.345.851.471
Giảm trong kỳ	(9.536.451.922)	(31.790.000)	(13.829.200.848)	(127.860.727)	(454.356.114)	(23.979.659.611)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>99.763.850.354</b>	<b>40.270.412.441</b>	<b>28.473.930.184</b>	<b>6.111.311.990</b>	<b>2.273.040.061</b>	<b>176.892.545.030</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu kỳ	96.651.458.394	12.122.130.421	258.486.689.002	3.100.248.554	28.788.360	370.389.314.731
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>120.575.629.748</b>	<b>10.939.591.117</b>	<b>207.570.045.714</b>	<b>3.586.856.049</b>	<b>194.089.224</b>	<b>342.866.211.852</b>

**8. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu kỳ	8.848.836.800	2.797.580.000	6.997.549.369	18.643.966.169
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>2.797.580.000</b>	<b>6.997.549.369</b>	<b>18.643.966.169</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu kỳ	-	904.550.841	6.818.418.281	7.722.969.122
Khấu hao trong kỳ	-	27.975.798	66.353.748	94.329.546
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>932.526.639</b>	<b>6.884.772.029</b>	<b>7.817.298.668</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu kỳ	8.848.836.800	1.893.029.159	179.131.088	10.920.997.047
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>8.848.836.800</b>	<b>1.865.053.361</b>	<b>112.777.340</b>	<b>10.826.667.501</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**9. Bất động sản đầu tư**

Là giá trị nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Đường Võ Văn Kiệt, Khu Phố 3, P. An Lạc, Q. Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh (thực hiện theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 22/NQ- HĐQT-HAX ngày 11/08/2022) chờ tăng giá hoặc phát triển Dự án Khu phức hợp kinh doanh xe ô tô kết hợp văn phòng, căn hộ cao cấp.

Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý cho bất động sản đầu tư này tại ngày 30 tháng 06 năm 2024. Tuy nhiên, dựa trên giá thị trường của khu đất liền kề, Ban Tổng Giám Đốc của Tập đoàn tin tưởng rằng giá trị thị trường của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày này.

**10. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các công ty con	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Số cuối kỳ
Công ty CP SX TM và DV Ô tô PTM	17.294.374.647	-	(3.144.431.754)	14.149.942.893
Công ty CP Xe Khách & Dịch Vụ Miền Tây	42.926.943.074	-	(2.384.830.171)	40.542.112.903
<b>Cộng</b>	<b>60.221.317.721</b>	<b>-</b>	<b>(5.529.261.925)</b>	<b>54.692.055.796</b>

**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền mua xe ô tô và dịch vụ sửa chữa xe.

**12. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	2.149.322.786	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.497.766.823	222.444.984	7.986.641.442	297.415.224
Thuế thu nhập cá nhân	335.402.881	165.238.837	507.783.280	9.371.381
Thuế nhà đất, thuế đất	-	171.966.222	-	258.766.685
Khác	1.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.834.169.704</b>	<b>559.650.043</b>	<b>10.643.747.508</b>	<b>565.553.290</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Kỳ này
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	88.509.985.013
Thu nhập chịu thuế	88.509.985.013
Thu nhập được miễn thuế	517.091.815
Các khoản điều chỉnh	417.060
Thu nhập tính thuế	87.993.310.258
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>17.598.662.051</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	70.504.741
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay</b>	<b>17.669.166.792</b>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính (hợp nhất)



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**13. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	607.777.386.828	607.777.386.828	699.552.464.329	699.552.464.329
<b>Cộng</b>	<b>607.777.386.828</b>	<b>607.777.386.828</b>	<b>699.552.464.329</b>	<b>699.552.464.329</b>

**14. Vốn chủ sở hữu****14a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

**14b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau**

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	1.074.396.810.000	1.074.396.810.000	-
<b>Cộng</b>	<b>1.074.396.810.000</b>	<b>1.074.396.810.000</b>	<b>-</b>

**14c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Kỳ này	Kỳ trước
<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu kỳ	934.275.650.000	569.434.340.000
Vốn góp tăng trong kỳ	140.121.160.000	150.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	1.074.396.810.000	719.434.340.000

**14d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	107.439.681	93.427.565
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	93.427.565
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	107.439.681	93.427.565
- Cổ phiếu phổ thông	107.439.681	93.427.565
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu kinh doanh xe	1.882.314.377.764	1.524.274.132.701
Doanh thu dịch vụ sửa chữa và bán phụ tùng	264.336.248.942	254.096.288.948
Doanh thu hoạt động khác	13.615.077.151	11.486.902.893
<b>Cộng</b>	<b><u>2.160.265.703.857</u></b>	<b><u>1.789.857.324.542</u></b>

**2. Giá vốn hàng bán**

Chủ yếu là giá vốn của hoạt động kinh doanh xe và hoạt động sửa chữa xe.

**3. Chi phí tài chính**

Chủ yếu là lãi vay ngân hàng.

**4. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	34.585.556.513	21.977.531.943
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.530.459.040	19.280.593.769
Chi phí dịch vụ thuê ngoài và chi phí khác	39.121.631.097	32.799.580.731
<b>Cộng</b>	<b><u>86.237.646.650</u></b>	<b><u>74.057.706.443</u></b>

**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí cho nhân viên	22.607.048.488	16.899.960.085
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.942.718.265	2.051.523.016
Chi phí lợi thế thương mại	5.529.261.925	5.529.261.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	13.174.442.032	11.864.458.105
<b>Cộng</b>	<b><u>44.253.470.710</u></b>	<b><u>36.345.203.131</u></b>

**6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	53.749.288.487	6.239.200.034
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(24.007.155.872)	(1.063.762.349)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	29.742.132.615	5.175.437.685
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	107.439.681	71.943.434
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b><u>277</u></b>	<b><u>72</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**7. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	53.749.288.487	6.239.200.034
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	(24.007.155.872)	(1.063.762.349)
Lợi nhuận tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	29.742.132.615	5.175.437.685
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	107.439.681	71.943.434
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm sau ngày 30/06 (CP)	-	17.984.131
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)</b>	<b>277</b>	<b>58</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

*Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội Đồng Quản Trị và Ban Tổng Giám Đốc).*

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tiền lương	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Tổng Giám Đốc	700.000.000	630.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Phó Tổng Giám Đốc	490.000.000	441.000.000
Ông Trần Văn Mỹ	Phó Tổng Giám Đốc	70.000.000	441.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng	Giám Đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng	350.000.000	315.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.610.000.000</b>	<b>1.827.000.000</b>
Thù lao thành viên Hội Đồng Quản Trị	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Ông Đỗ Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Bà Vũ Thị Hạnh	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Ông Trần Quốc Hải	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Bà Trần Tiểu Mai	Thành viên	90.000.000	90.000.000
Bà Đỗ Ngọc Thùy Trang	Thành viên	40.961.538	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích	Thành viên	49.038.462	-
<b>Cộng</b>		<b>540.000.000</b>	<b>540.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**3. Khả năng hoạt động liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính (hợp nhất) không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính (hợp nhất) cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính (hợp nhất) của Tập đoàn cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính (hợp nhất).

TP. Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 7 năm 2024.

Người lập biểu

**TRẦN KHÔI NGUYỄN**

Kế toán trưởng

**NGUYỄN THỊ THANH HẰNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



**ĐỖ TIẾN DŨNG**



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH**

Địa chỉ: 333 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH (HỢP NHẤT)**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (hợp nhất) (tiếp theo)

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5
<b>Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2023</b>					
Tại ngày 01/01/2023	569.434.340.000	524.927.236	352.446.863.935	46.513.020.439	968.919.151.610
Tăng trong kỳ	150.000.000.000	30.000.000.000	5.175.437.685	1.063.762.349	186.239.200.034
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2023	719.434.340.000	30.524.927.236	357.622.301.620	47.576.782.788	1.155.158.351.644
<b>Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2024</b>					
Tại ngày 01/01/2024	934.275.650.000	30.524.927.236	150.223.013.451	48.980.301.766	1.164.003.892.453
Tăng trong kỳ	140.121.160.000	-	29.742.132.615	70.559.100.762	240.422.393.377
- Lãi trong kỳ	-	-	29.742.132.615	24.007.155.872	53.749.288.487
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-	-	18.384.922.500	18.384.922.500
- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức bằng cổ phiếu	140.121.160.000	-	-	-	140.121.160.000
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CDKKS phát sinh trong kỳ	-	-	-	28.167.022.390	28.167.022.390
Giảm trong kỳ	-	(30.524.927.236)	(146.176.447.157)	(2.858.908.000)	(179.560.282.393)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	(30.524.927.236)	(109.596.232.764)	-	(140.121.160.000)
- Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	(28.028.269.500)	(2.858.908.000)	(30.887.177.500)
- Ảnh hưởng của sự thay đổi tỷ lệ lợi ích CDKKS phát sinh trong kỳ	-	-	(8.551.944.893)	-	(8.551.944.893)
Tại ngày 30/06/2024	1.074.396.810.000	-	33.788.698.909	116.680.494.528	1.224.866.003.437

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TRẦN KHÔI NGUYỄN

NGUYỄN THỊ THANH HẰNG

